

Môn thi: Tiếng Hàn B1  
Ngày thi: 04.01.2024  
Phòng thi: 1 (401C1)

Mã môn học: FLF1707B  
Ca thi: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040207	ĐOÀN VĂN ANH	03/10/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
2	23040230	NGUYỄN NHẬT ANH	13/12/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
3	23041883	TA PHƯƠNG ANH	22/07/2005	QH.2023.F.1.VH2.NN4			
4	23041888	NGUYỄN THÁI BẢO	06/06/2005	QH.2023.F.1.VH1.NN4			
5	23040283	MAI THỊ LINH CHI	31/08/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			
6	23040022	BÙI THANH CHỨC	20/11/2005	QH.2023.F.1.E3.SP5			
7	23040297	NGÔ HUYỀN DIỆP	19/02/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
8	22040282	Lê Hương Giang	07/10/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
9	23040338	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	28/07/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
10	23040029	TRẦN VĂN GIANG	17/06/2005	QH.2023.F.1.E8.SP4			
11	23040032	TRẦN THU HÀ	12/10/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
12	23040358	NGUYỄN MINH HẠNH	15/05/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3			
13	23040366	PHẠM MINH HẰNG	30/01/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
14	23040038	TRẦN VĂN HIỆU	25/05/2005	QH.2023.F.1.E8.SP4			
15	23040381	NGUYỄN NGỌC HOA	01/04/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
16	21040874	Nguyễn Thu Hương	06/11/2003	QH.2022.F.1.E3.NN			
17	23040044	QUÁCH MINH HƯƠNG	07/10/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
18	22040294	Đỗ Hoàng Lan	10/11/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			
19	22040103	Nguyễn Hoàng Lan	18/07/2004	QH.2022.F.1.E7.SP4			
20	22040368	Nguyễn Thị Ngọc Linh	17/09/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
21	23040062	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	15/11/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
22	23040064	PHÙNG KHÁNH LINH	02/11/2005	QH.2023.F.1.E3.SP5			
23	23040480	PHẠM THỊ LOAN	19/11/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
24	23040493	VÕ NHẬT LY	15/12/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			

Danh sách này có: 24 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà Nội, ngày tháng

năm 20

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

Môn thi: Tiếng Hàn B1  
Ngày thi: 04.01.2024  
Phòng thi: 2 (402C1)

Mã môn học: FLF1707B  
Ca thi: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	19040720	Nguyễn Trọng Nam	22/05/2001	QH.2020.F.1.A1.NN			
2	23040530	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	17/10/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3			
3	23040538	LÊ BẢO NGỌC	30/07/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
4	23040596	CAO HÀ PHƯƠNG	25/10/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
5	23040616	ĐÀO THỊ NHƯ QUỲNH	25/02/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3			
6	23040656	LÊ PHƯƠNG THẢO	09/02/2005	QH.2023.F.1.E20.NN3			
7	23040676	NGUYỄN XUÂN THÔNG	23/11/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
8	23040685	DƯƠNG MAI THÙY	11/09/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
9	21041738	Nông Thanh Tùng	24/05/2002	QH.2021.F.1.E17.SP			
10	23041932	NGUYỄN KHÁNH VÂN	16/12/2005	QH.2023.F.1.VH1.NN4			
11	23040120	NGUYỄN THANH XUÂN	24/01/2005	QH.2023.F.1.E8.SP4			
12	22040413	Vũ Hương Thảo	16/09/2004				
13	23040202	BÙI THỊ MAI ANH	01/09/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
14	23040214	HẠNG THỊ VÂN ANH	25/11/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3			
15	23040222	LƯU KIỀU ANH	27/11/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
16	23040247	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	02/03/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
17	23040010	PHẠM VÂN ANH	24/09/2005	QH.2023.F.1.E8.SP4			
18	23040261	PHẠM THỊ ÁNH	10/07/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3			
19	23040262	TRINH THỊ NGỌC ÁNH	27/09/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
20	23040281	ĐOÀN LÊ LAN CHI	30/12/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
21	23040285	NGUYỄN LÊ CHI	12/01/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
22	23040016	NGUYỄN THU CÚC	01/03/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
23	23040309	NGUYỄN TIẾN DUY	10/12/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
24	23040316	BÙI THÙY DƯƠNG	05/12/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			

Danh sách này có: 24 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà Nội, ngày .....

tháng .....

năm 20.....

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH THI  
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**

**Môn thi: Tiếng Hàn B1**

**Ngày thi: 04.01.2024**

**Phòng thi: 3 (403C1)**

**Mã môn học: FLF1707B**

**Ca thi: 1**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23041897	NGUYỄN MINH HẰNG	11/07/2003	QH.2023.F.1.VH1.NN4			
2	23040404	NGUYỄN THANH HUYỀN	01/01/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3			
3	23040040	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	13/04/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			

4	23040045	NGUYỄN XUÂN KHANG	07/11/2005	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC			
5	23040440	ĐÀM PHƯƠNG LINH	11/03/2005	QH.2023.F.1.E8.NN4			
6	23040444	ĐỖ DIỆU LINH	05/08/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			
7	23040464	NGUYỄN THÙY LINH	12/12/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			
8	23040066	VŨ KIỀU LINH	14/05/2005	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC			
9	23040067	NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN	19/12/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
10	23040071	HÀ KHÁNH LY	11/02/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
11	23040505	ĐÌNH NGUYỄN NHẬT MINH	06/09/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
12	23040531	VŨ THU NGÂN	29/05/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			
13	23040560	BÙI DƯƠNG NHI	10/09/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
14	23040566	HỨA THỊ BẢO NHI	16/12/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
15	23040574	PHẠM KHÁNH NHI	24/03/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
16	23040085	TRẦN THỊ NGỌC NHUNG	17/10/2005	QH.2023.F.1.E2.SP5			
17	23040581	VŨ HỒNG NHUNG	02/12/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
18	23040660	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	25/08/2004	QH.2023.F.1.E12.NN4			
19	23040675	ĐOÀN QUỲNH THOAN	20/09/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
20	23040684	HOÀNG DIỆU THUY	22/09/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
21	23040104	TRƯƠNG NHỊ THUY	25/01/2005	QH.2023.F.1.E2.SP5			
22	23040687	TRƯƠNG THỊ MAI THUY	02/01/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
23	23040690	HÀ THU THUY	15/11/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
24	23040109	LÊ HÀ TRANG	07/02/2005	QH.2023.F.1.E2.SP5			

Danh sách này có: 24 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà nội, ngày tháng

năm 20

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH THI**  
**HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**

**Môn thi: Tiếng Hàn B1**

**Ngày thi: 04.01.2024**

**Phòng thi: 4 (404C1)**

**Mã môn học: FLF1707B**

**Ca thi: 1**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040113	PHẠM THIÊN TRANG	31/07/2005	QH.2023.F.1.E8.SP4			
2	23040644	NGUYỄN PHƯƠNG TUYẾT	11/07/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3			
3	23040776	NGUYỄN HẢI YẾN	02/09/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
4	21040811	Đỗ Thị Linh Chi	17/01/2003	QH.2021.F.1.E9.NN			
5	23040203	DƯƠNG NGÔ THẢO ANH	05/09/2005	QH.2023.F.1.E20.NN3			
6	23040212	ĐỖ THUY ANH	28/04/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3			
7	23040216	HOÀNG THỊ LAN ANH	24/03/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
8	23040008	PHẠM THỊ LÊ ANH	28/08/2005	QH.2023.F.1.E8.SP4			
9	23040306	PHAN TIẾN DŨNG	12/07/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
10	23040341	BÙI MẠNH HÀ	15/10/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			

11	23040345	LÊ HẢI HÀ	16/07/2005	QH.2023.F.1.E20.NN3			
12	21041133	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	13/03/2003	QH.2021.F.1.R2.NN			
13	23040421	LA HOÀNG KỶ	17/10/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3			
14	21040884	NGÔ KHÁNH LINH	19/03/2003	QH.2022.F.1.E10.NN4			
15	23040063	PHAN TRANG LINH	20/12/2005	QH.2023.F.1.E2.SP5			
16	23040471	TẠ PHƯƠNG LINH	04/08/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
17	23040474	TRẦN PHƯƠNG LINH	31/12/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
18	22040299	NGUYỄN ĐỖ THẢO MIÊN	19/03/2004	QH.2022.F.1.E7.NN4			
19	23040076	TRẦN THỊ NGỌC MINH	15/12/2005	QH.2023.F.1.E3.SP5			
20	23040510	ĐÌNH NGUYỄN HUYỀN MY	02/01/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
21	23040078	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	22/08/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
22	23040080	LÊ BẢO NGỌC	11/10/2005	QH.2023.F.1.E2.SP5			
23	23040544	PHẠM MINH NGỌC	23/07/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
24	22040723	ĐÌNH HẠNH NGUYEN	05/09/2004	QH.2022.F.1.E10.NN4			
25	23040565	HOÀNG THỊ YẾN NHI	01/05/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
26	23040569	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	14/06/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
27	23040572	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	13/09/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			
28	23040609	VŨ HÀ PHƯƠNG	17/06/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
29	23040619	LÝ THỊ NHƯ QUỲNH	19/05/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
30	23040620	TRƯƠNG THỊ XUÂN QUỲNH	08/03/2005	QH.2023.F.1.E18.NN3			
31	23040661	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	09/12/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
32	23040694	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	17/01/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
33	23040106	NGÔ THỊ MINH THU	04/10/2005	QH.2023.F.1.E2.SP5			
34	23040094	HOÀNG ĐỨC TIỀN	13/09/2005	QH.2023.F.1.E1.SP5CLC			
35	23040119	HOÀNG THỊ XUÂN	01/04/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			

Danh sách này có: 35 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà nội, ngày tháng

năm 20

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH THI**  
**HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**

**Môn thi: Tiếng Hàn B1**

**Ngày thi: 04.01.2024**

**Phòng thi: 5 (405C1)**

**Mã môn học: FLF1707B**

**Ca thi: 1**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040772	VŨ THỊ NHƯ Ý	03/09/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
2	22040278	Nguyễn Thị Thanh An	06/07/2004	QH.2022.F.1.E14.NN5			
3	23040220	LƯƠNG THỊ HOÀNG ANH	07/09/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
4	23040232	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	06/03/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
5	23040235	NGUYỄN QUỲNH ANH	28/11/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
6	23040242	NGUYỄN VŨ QUỲNH ANH	21/11/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
7	23040246	PHẠM THỂ ANH	07/10/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
8	23040255	TRẦN THỊ LAN ANH	30/09/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
9	23040256	TRẦN THỊ MINH ANH	18/11/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			
10	23040278	NGUYỄN THỊ DIỆU CHÂU	19/10/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
11	23040293	NGUYỄN THỊ CHÚC	12/01/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			

12	23041893	CHU THỊ THU GIANG	15/01/2005	QH.2023.F.1.VH1.NN4			
13	22040575	Nguyễn Ngọc Hải	24/02/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
14	23040357	ĐÀO HỒNG HẠNH	25/04/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
15	23040361	LÊ THANH HẢO	30/09/2005	QH.2023.F.1.E8.NN4			
16	23040362	ĐẶNG THỊ THU HẰNG	14/10/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
17	23040393	BÙI KHÁNH HUY	12/04/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
18	23040429	PHAN VŨ NGỌC KHÁNH	13/12/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3			
19	23040057	NGUYỄN HUYỀN LINH	22/09/2005	QH.2023.F.1.E3.SP5			
20	22040287	Nguyễn Khánh Linh	25/09/2004	QH.2022.F.1.E14.NN5			
21	23041911	TRẦN KHÁNH LINH	24/06/2005	QH.2023.F.1.VH2.NN4			
22	21040701	Vi Thị Trà Mi	01/01/2003	QH.2022.F.1.E6.NN			
23	23040506	NGÔ TUỆ MINH	13/03/1998	QH.2023.F.1.E7.NN5			
24	23040525	BÙI LÊ KIM NGÂN	12/02/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			

Danh sách này có: 24 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà nội, ngày tháng

năm 20

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH THI**  
**HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**

**Môn thi: Tiếng Hàn B1**

**Ngày thi: 04.01.2024**

**Phòng thi: 6 (406C1)**

**Mã môn học: FLF1707B**

**Ca thi: 1**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	23040540	NGUYỄN ÁNH NGỌC	28/06/2005	QH.2023.F.1.E13.NN4			
2	23040576	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	27/08/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
3	23040617	HOÀNG NHƯ QUỲNH	11/07/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3			
4	23040657	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	27/06/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
5	23040715	NGUYỄN HUYỀN TRANG	27/07/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
6	23040112	NGUYỄN QUỲNH TRANG	10/11/2005	QH.2023.F.1.E8.SP4			
7	22040441	Đoàn Thị Mai Uyên	06/06/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
8	23040749	NGUYỄN HIỀN VI	21/08/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
9	22040111	Lò Thị Xuân	04/10/2003	QH.2022.F.1.E2.SP			
10	23040768	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	27/05/2005	QH.2023.F.1.E6.NN5			
11	23040775	LÊ HOÀNG YẾN	25/06/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3			
12	23040769	ĐÀO THỊ NHƯ Ý	24/02/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
13	23040210	ĐỖ MAI ANH	03/11/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
14	23040215	HOÀNG PHƯƠNG ANH	08/11/2005	QH.2023.F.1.E11.NN4			
15	23040231	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	19/12/2004	QH.2023.F.1.E22.NN3			

16	23040239	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	21/05/2005	QH.2023.F.1.E17.NN3			
17	23041889	NGUYỄN TRẦN NGỌC BÍCH	16/12/2005	QH.2023.F.1.VH2.NN4			
18	23040282	LÃ KHÁNH CHI	21/11/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
19	23040019	LƯƠNG THỊ QUỲNH CHI	26/02/2005	QH.2023.F.1.E15.SP3			
20	23040023	NGUYỄN MINH DIỆP	06/08/2005	QH.2023.F.1.E8.SP4			
21	23040317	ĐỖ THÙY DƯƠNG	19/08/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
22	23040342	ĐỖ THỊ THU HÀ	11/08/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
23	23040371	HOÀNG THU HIỀN	14/08/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
24	23040402	NGUYỄN THANH HUYỀN	19/07/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			

Danh sách này có: 24 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: . . . . .

Người kiểm tra: . . . . .

Hà nội, ngày tháng

năm 20

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH THI**  
**HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**

**Môn thi: Tiếng Hàn B1**  
**Ngày thi: 04.01.2024**  
**Phòng thi: 7 (407C1)**

**Mã môn học: FLF1707B**  
**Ca thi: 1**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22040534	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22/10/2004	QH.2022.F.1.E6.NN			
2	23040438	DƯƠNG THỊ THUY LINH	09/05/2005	QH.2023.F.1.E20.NN3			
3	23040453	NGÔ VŨ GIA LINH	19/12/2005	QH.2023.F.1.E7.NN5			
4	23040060	NGUYỄN NHẬT LINH	16/07/2005	QH.2023.F.1.E3.SP5			
5	23040489	NGUYỄN HƯƠNG LY	16/08/2005	QH.2023.F.1.E3.NN5			
6	23040495	DƯƠNG TIỂU MAI	30/12/2005	QH.2023.F.1.E20.NN3			
7	22040300	Thi Tuấn Minh	31/08/2004	QH.2022.F.1.E19.NN5			
8	23040521	NGUYỄN QUỲNH NGA	05/03/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
9	23040523	TRẦN THỊ THÚY NGA	14/09/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
10	23040534	GIANG THỊ HỒNG NGỌC	18/12/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4			
11	23040554	TRẦN ÁNH NGUYỆT	09/09/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4			
12	23040578	HOÀNG HỒNG NHUNG	29/06/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
13	23040604	NGUYỄN PHẠM LAN PHƯƠNG	19/07/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
14	23040615	VŨ THỊ BẢO QUYÊN	28/09/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5			
15	23040655	HÀ PHƯƠNG THẢO	16/01/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3			
16	23040665	TRẦN PHƯƠNG THẢO	12/03/2005	QH.2023.F.1.E5.NN5			
17	23040695	NGUYỄN THỊ THÚY	08/01/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3			
18	23040697	ĐẶNG ANH THƯ	31/10/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4			
19	23040630	TRẦN NGỌC THỦY TIỀN	02/03/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4			
20	23040717	NGUYỄN QUỲNH TRANG	16/08/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3			
21	23040638	PHẠM MINH TUÂN	12/10/2004	QH.2023.F.1.E22.NN3			
22	21041112	Nguyễn Công Tùng	15/04/2003	QH.2021.F.1.R2.NN			

23	21040792	Nguyễn Phương anh	11/03/2003	QH.2021.E9			
24	23040741	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG UYÊN	26/12/2004	QH.2023.F.1.E13.NN4			

Danh sách này có: 24 sinh viên

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

*Hà nội, ngày                      tháng*

*năm 20*

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**